

Số: 05 /TB-HĐTD

Kông Chro, ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự; danh mục tài liệu,  
giới hạn ôn tập, thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2  
kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020  
của huyện Kông Chro.**

Căn cứ Quyết định số 1709/QĐ-SNV ngày 26/10/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Kông Chro về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Kông Chro về việc phê duyệt danh sách người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro;

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Kông Chro thông báo như sau:

**I. Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro.**

*(Có Danh sách kèm theo)*

Lưu ý: Trong danh sách thí sinh dự thi có thông tin không đầy đủ hoặc thông tin sai sót (họ, tên, ngày tháng năm sinh, quê quán ...) cần điều chỉnh, bổ sung đề nghị thí sinh ghi vào phiếu yêu cầu đính chính nộp lại cho giám thị vào buổi thi *(Kèm theo mẫu Phiếu yêu cầu đính chính thông tin)*

**II. Danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập**

*(Có Danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập kèm theo)*

**III. Thời gian và địa điểm tổ chức thi vòng 2:**

**1. Thời gian:** 01 buổi *(Vào lúc 6 giờ 30 phút, ngày 17/01/2021).*

14 giờ 00 phút, ngày 16/01/2021, thí sinh có mặt tại địa điểm thi để học quy chế và xem số báo danh, phòng thi.

**2. Địa điểm:** Tại Trường Trung học cơ sở dân tộc Nội trú huyện Kông Chro.

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Kông Chro thông báo để thí sinh biết thực hiện. / *SV*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai (b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các Thành viên của Hội đồng tuyển dụng;
- Ban giám sát;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện;
- Công an huyện;
- Trung tâm VH, TT&TT huyện (đưa tin);
- Trung tâm Y tế huyện;
- Công thông tin điện tử của huyện;
- Trang Web Phòng GD&ĐT huyện;
- Trường THCS Dân tộc Nội trú huyện;
- Lưu: VT-UB, NV.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Huỳnh Ngọc Ân**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU YÊU CẦU**  
**Đính chính thông tin đăng ký dự tuyển viên chức giáo viên**

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020  
huyện Kông Chro.

Tôi tên: .....

Sinh ngày:.....

Số CMND: .....

Tôi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức giáo viên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kông Chro.

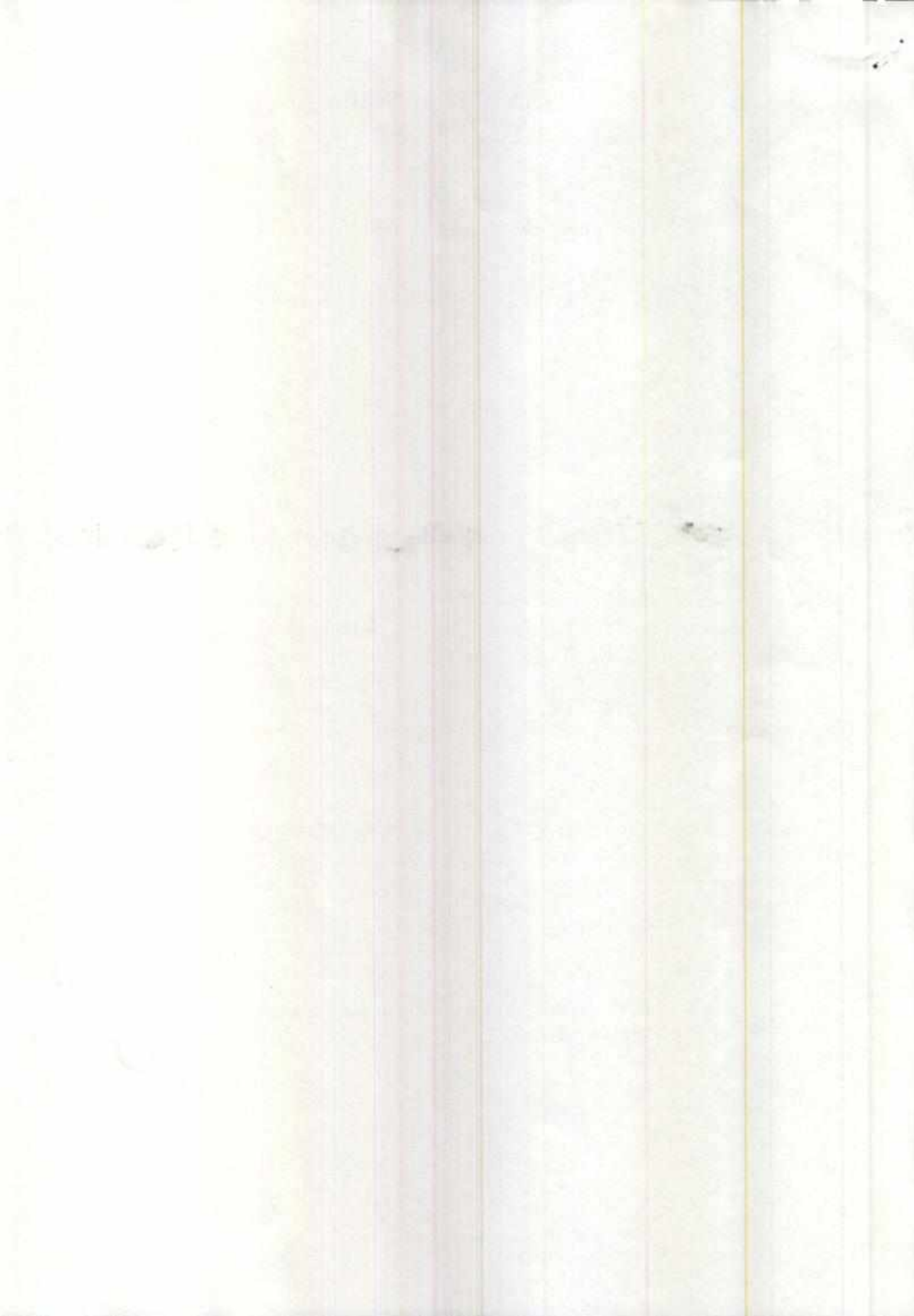
Vị trí dự tuyển: .....

Sau khi xem danh sách kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Kông Chro về việc phê duyệt danh sách người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro; Tôi thấy có các nội dung sau chưa đúng với phiếu đăng ký dự thi tôi đã nộp, tôi đề nghị Hội đồng tuyển dụng kiểm tra đính chính nội dung sau:

| <b>Nội dung tại danh sách</b> | <b>Đề nghị đính chính lại phiếu yêu cầu</b> |
|-------------------------------|---------------------------------------------|
|                               |                                             |
|                               |                                             |
|                               |                                             |
|                               |                                             |
|                               |                                             |
|                               |                                             |

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI YÊU CẦU**





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KÔNG CHRO**

Số: 625 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kông Chro, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt danh sách người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1709/QĐ-SNV ngày 26/10/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro;*

*Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách 81 người đăng ký dự tuyển viên chức giáo viên có đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro (Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro có trách nhiệm thông báo danh sách những người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện dự thi và đăng tải trên Website của huyện và Website của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để người dự tuyển được biết thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người đăng ký dự tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *sgv*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai (b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Công an huyện;
- Trung tâm VH, TT&TT huyện (đưa tin);
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- Trang Web Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu VT- UB, NV. *ly*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Nguyên Nam**

**DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020**  
(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro)

| STT                   | Họ và tên<br>(Xếp theo cột rỗng) |   | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Quê quán                          | Hệ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ đào tạo các mặt |           |                       |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trưởng đào tạo     |                  | Xếp hạng thi nghiệp | Điểm tuyển ưu tiên | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|-----------------------|----------------------------------|---|-----------------------|------------|---------|-----------------------------------|--------------------|-----------|------------------|--------------------------|-----------|-----------------------|-------------------------|------------------------------|--------------------|------------------|---------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|---------|
|                       |                                  |   | Nam                   | Nữ         |         |                                   | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Chuyên môn               | Ngoại ngữ | Tin học               | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trưởng đào tạo | Loại hình trường |                     |                    |                           |                                  |         |
| 1                     | 2                                | 3 | 4                     | 5          | 6       | 7                                 | 8                  | 9         | 10               | 11                       | 12        | 13                    | 14                      | 15                           | 16                 | 17               | 18                  | 19                 | 20                        | 21                               | 22      |
| I. GIÁO VIÊN MẦM NON: |                                  |   |                       |            |         |                                   |                    |           |                  |                          |           |                       |                         |                              |                    |                  |                     |                    |                           |                                  |         |
| 1                     | Phạm Thị Quỳnh Anh               |   |                       | 14/10/1997 | Kinh    | Khánh Hải, Yên Khánh, Ninh Bình   | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | C         | CNTT Cơ bản           |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 2                     | Nguyễn Thị Kim Chung             |   |                       | 09/12/1991 | Kinh    | Vĩnh Thành, Vĩnh Thành, Bình Định | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | A                     |                         | TX                           | DHSP Huế           | Công lập         | TBK                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 3                     | Trịnh Thị Hồng Diên              |   |                       | 18/4/1995  | Kinh    | Ấn Lão, Hoà An, Bình Định         | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | A         | A                     |                         | CQ                           | CDSP TW Nha Trang  | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 4                     | Lê Thị Hải Diệp                  |   |                       | 08/11/1993 | Kinh    | Tân An, Đắk Pơ, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | A                     |                         | VLVH                         | DHSP Huế           | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 5                     | Phạm Thị Thủy Dung               |   |                       | 20/02/1992 | Kinh    | Tân An, Đắk Pơ, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | B                     |                         |                              | DHSP Huế           | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 6                     | Nguyễn Thị Kim Hà                |   |                       | 19/6/1986  | Kinh    | Ấn Tượng, Hoà An, Bình Định       | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | Tin học Văn phòng (B) |                         | Tư xa                        | DHSP Huế           | Công lập         | TBK                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 7                     | Lê Thị Bảo Hà                    |   |                       | 04/4/1994  | Kinh    | Quê Sơn, Quảng Nam                | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B         | A                     |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 8                     | Nguyễn Thị Hằng                  |   |                       | 09/10/1993 | Kinh    | Phù Phong, Tây Sơn, Bình Định     | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B         | B                     |                         | CQ                           | CDSP TW Nha Trang  | Công lập         | TB                  |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 9                     | Chê Thị Thái Hạnh                |   |                       | 09/10/1990 | Kinh    | Xuân Phương, Sông Cầu, Phú Yên    | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | A         | B                     |                         | VLVH                         | CDSP TW Nha Trang  | Công lập         | TBK                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 10                    | Đoàn Thị Mỹ Hạnh                 |   |                       | 12/7/1995  | Kinh    | Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định    | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | B                     |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 11                    | Hoàng Thị Mỹ Hào                 |   |                       | 22/8/1997  | Kinh    | Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình   | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B1        | CNTT Cơ bản           |                         | CQ                           | DH Đồng Tháp       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 12                    | Nguyễn Thị Kim Hoa               |   |                       | 17/7/1995  | Kinh    | Thành An, An Khê, Gia Lai         | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B         | B                     |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 13                    | Huỳnh Thị Trúc Hương             |   |                       | 03/02/1998 | Kinh    | Nhơn Phúc, An Nhơn, Bình Định     | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | C         | CNTT Cơ bản           |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 14                    | Phạm Thị Thu Huyền               |   |                       | 07/8/1997  | Kinh    | Khánh Hải, Yên Khánh, Ninh Bình   | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | A2        | CNTT Cơ bản           |                         |                              | DHSP Huế           | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 15                    | Nguyễn Thị Phương Huyền          |   |                       | 19/4/1986  | Kinh    | Văn Bức, Ba Vì, Hà Nội            | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | Bậc 2     | CNTT Cơ bản           |                         | TX                           | DHSP Hà Nội        | Công lập         | TB                  |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 16                    | Bùi Thị Mỹ Khoa                  |   |                       | 28/6/1995  | Kinh    | An Nhơn, Bình Định                | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | Bậc 3     | A                     |                         | CQ                           | DH Thủ Đức 1       | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 17                    | Võ Thị Khương                    |   |                       | 10/10/1994 | Kinh    | Tây Sơn, An Khê, Gia Lai          | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | A                     |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 18                    | Nguyễn Thị Lanh                  |   |                       | 10/01/1989 | Kinh    | Bình Thành, Tây Sơn, Bình Định    | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B         | A                     |                         | Tư xa                        | DHSP Hà Nội        | Công lập         | TBK                 |                    | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |



| STT | Họ và tên<br>(Nộp tên theo cột riêng) |        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Quốc gia                            | Hộ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ đào tạo các mặt |            |             |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trưởng đào tạo     |                 | Xếp hạng thi nghiệp | Điểm trung bình | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|--------|-----------------------|------------|---------|-------------------------------------|--------------------|-----------|------------------|--------------------------|------------|-------------|-------------------------|------------------------------|--------------------|-----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------|---------|
|     |                                       |        | Nam                   | Nữ         |         |                                     | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Chuyên môn               | Ngành nghề | Tin học     | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trưởng đào tạo | Lưu hành trường |                     |                 |                           |                                  |         |
| 19  | Lê Thị Anh                            | Lê     |                       | 25/12/1994 | Kinh    | Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định      | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B          | A           |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 20  | Nguyễn Thị Ngọc                       | Linh   |                       | 16/01/1996 | Kinh    | Tây Bình, Tây Sơn, Bình Định        | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | CNTT Cơ bản |                         | VLVH                         | DH Sài Gòn         |                 | TBK                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 21  | Nguyễn Thị Kiều                       | Linh   |                       | 08/3/1995  | Kinh    | Hải Châu, Đà Nẵng                   | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 22  | Lương Thị Hạ                          | My     |                       | 13/6/1993  | Kinh    | Nam Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam     | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | A           |                         |                              | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 23  | Trần Thị                              | My     |                       | 20/10/1992 | Kinh    | Ấn Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định        | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | A           |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 24  | Tân Thị Ai                            | My     |                       | 04/3/1995  | Kinh    | Nhơn Phúc, An Nhơn, Bình Định       | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | B           |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 25  | Võ Thị Kim                            | Ngân   |                       | 28/10/1997 | Kinh    | Sông An, An Khê, Gia Lai            | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 26  | Hồ Thủy                               | Ngân   |                       | 10/3/1997  | Kinh    | Tây Sơn, Bình Định                  | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 27  | Huyền Thị Kim                         | Ngọc   |                       | 09/02/1998 | Kinh    | Tây Sơn, An Khê, Gia Lai            | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | C          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 28  | Phạm Thị Hồng                         | Ngọc   |                       | 20/8/1991  | Kinh    | Phù An, Đăk Pơ, Gia Lai             | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | C          | A           |                         | TX                           | DHSP Hà Nội        | Công lập        | TB                  |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 29  | Nguyễn Thị Quỳnh                      | Như    |                       | 15/10/1997 | Mường   | Chi Lăng Nam, Thanh Miện, Hải Dương | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | C          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 | DTTS            | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 30  | Phạm Thị Tuyết                        | Nhung  |                       | 01/9/1996  | Kinh    | An Phú, An Khê, Gia Lai             | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | C          | CNTT Cơ bản |                         | VLVH                         | DHSP Đà Nẵng       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 31  | Đặng Thị Lê                           | Ni     |                       | 08/3/1994  | Kinh    | Tây Sơn, An Khê, Gia Lai            | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | A2/B4 c 2  | A           |                         | VLVH                         | DH Tây Nguyên      | Công lập        | TBK                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 32  | Hà Kiều                               | Quanh  |                       | 16/5/1997  | Kinh    | Trường Thi, Vinh, Nghệ An           | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | B          | A           |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 33  | Phạm Thị Kim                          | Quanh  |                       | 13/01/1994 | Kinh    | Khánh Hải, Yên Khánh, Ninh Bình     |                    | x         | 12/12            | DHSP Mầm non             | A2         | CNTT Cơ bản |                         |                              | DHSP Huế           | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 34  | Hồ Thị Nguyễn                         | Phi    |                       | 19/11/1993 | Kinh    | Tuy Hòa, Phú Yên                    | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | B           |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 35  | Trần Thị                              | Phượng |                       | 10/12/1992 | Kinh    | Ấn Phú, Vũ Quang, Hà Tĩnh           | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | B           |                         | TX                           | DHSP Hà Nội        | Công lập        | TB                  |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 36  | Ngô Thị Thanh                         | Phượng |                       | 06/12/1993 | Kinh    | Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định      | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | A           |                         | TX                           | DHSP Hà Nội        | Công lập        | TBK                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 37  | Lê Thị Lê                             | Quyên  |                       | 09/11/1987 | Kinh    | An Khê, Gia Lai                     | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | A           |                         | TX                           | DHSP Hà Nội        | Công lập        | TBK                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 38  | Phạm Thị Trúc                         | Quỳnh  |                       | 31/01/1995 | Kinh    | Cát Sơn, Phú Cát, Bình Định         | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | B           |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 39  | Đinh Thị                              | Ren    |                       | 31/12/1997 | Bahsar  | Kồng Yang, Kồng Chro, Gia Lai       | x                  |           | 12/12            | CDSP Mầm non             | C          | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | CDSP Gia Lai       | Công lập        | Khá                 | DTTS            | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |
| 40  | Nguyễn Thị Tuyết                      | Sương  |                       | 11/7/1994  | Kinh    | Tuy Phước, Bình Định                | x                  |           | 12/12            | DHSP Mầm non             | B          | A           |                         | CQ                           | DH Qui Nhơn        | Công lập        | Khá                 |                 | Giáo viên MN hạng IV      | V.07.02.06                       |         |



| STT                           | Họ và tên<br>(Viết đầy đủ họ tên và chữ lót) | Ngày tháng năm sinh | Đã học     | Quốc gia | Mức chuẩn   |             | Trình độ đào tạo cấp một |           |                       | Hình thức đào tạo (theo yêu cầu) | Trình độ đào tạo  |                  | Mức bằng cấp | Tên chức danh<br>ngành nghề | Mã số bằng<br>chức danh ngành<br>nghề | Chức vụ |
|-------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|------------|----------|-------------|-------------|--------------------------|-----------|-----------------------|----------------------------------|-------------------|------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------|
|                               |                                              |                     |            |          | Tính<br>đạt | Tính<br>đạt | Chuyên môn               | Người dạy | Tên học               | Chương (theo yêu cầu)            | Tên trường        | Loại hình trường |              |                             |                                       |         |
| 41                            | Đinh Thị                                     | Tham                | 16/04/1998 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | C         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 42                            | Trần Thị Hương                               | Thảo                | 27/04/1991 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Miền nam            | B         | Tin học Văn phòng (B) |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | TB           | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 43                            | Nguyễn Thị Thu                               | Thảo                | 13/03/1994 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 44                            | Vũ Thị                                       | Thảo                | 01/11/1998 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | A2        | CNTT Cơ bản           |                                  | CD Hà Dương       | Công lập         | Giỏi         | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 45                            | Tô Thị Thanh                                 | Thôn                | 21/04/1999 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Giỏi         | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 46                            | Đỗ Thị Thanh                                 | Thủy                | 26/09/1997 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | Nâng cao              |                                  | CD Đạ Vết Sỏi Gòn | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 47                            | Nguyễn Thị Phương                            | Thủy                | 08/10/1999 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 48                            | Phạm Thị Mộng                                | Thủy                | 06/05/1987 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Miền nam            | B         | A                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | TBK          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 49                            | Trần Thị Mỹ                                  | Tiến                | 04/07/1990 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Miền nam            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | TBK          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 50                            | Hà Thị Bích                                  | Trần                | 20/08/1995 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | B                     |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 51                            | Nguyễn Thị Như                               | Trúc                | 24/07/1997 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | C         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 52                            | Vũ Thanh                                     | Tuyết               | 20/12/1996 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | B         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 53                            | Phạm Khánh                                   | Vy                  | 09/04/1996 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Miền nam            | Bậc 2     | CNTT Cơ bản           |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 54                            | Lê Thị Hà                                    | Vy                  | 18/05/1995 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | CDSP Miền nam            | C         | CNTT Cơ bản           |                                  | CDSP Gia Lai      | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| 55                            | Phạm Thị Hòa                                 | Xuyến               | 01/01/1992 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Miền nam            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Khả          | Giáo viên MN hạng IV        | V 07 02 06                            |         |
| <b>II. GIÁO VIÊN TIỂU HỌC</b> |                                              |                     |            |          |             |             |                          |           |                       |                                  |                   |                  |              |                             |                                       |         |
| 1                             | Mai Thị                                      | Án                  | 25/07/1993 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Khả          | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 2                             | Đặng Thủy                                    | Chi                 | 18/10/1995 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Khả          | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 3                             | Vũ Thị Hồng                                  | Điệp                | 05/10/1997 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | Bậc 3     | CNTT Cơ bản           |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Giỏi         | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 4                             | Đinh Thị                                     | Đoan                | 12/04/1996 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Khả          | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 5                             | Trần Thị Kim                                 | Dương               | 10/09/1997 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | C         | CNTT Cơ bản           |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Giỏi         | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 6                             | Nguyễn Thị                                   | Hà                  | 24/08/1998 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | Bậc 3     | CNTT Cơ bản           |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | Giỏi         | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |
| 7                             | Nguyễn Thị                                   | Hương               | 16/07/1993 | Kinh     | Việt Nam    | Việt Nam    | ĐHSP Tiểu học            | B         | B                     |                                  | ĐHSP Hà Nội       | Công lập         | TBK          | Giáo viên TH hạng IV        | V 07 03 09                            |         |

| STT   | Họ và tên<br>(Xếp tên theo cột rỗng) |       | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Quê quán                          | Hệ khóa thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ đào tạo các mặt |             |             |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trưởng đào tạo     |                  | Mức lương tối thiểu | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú    |  |
|-------|--------------------------------------|-------|-----------------------|------------|---------|-----------------------------------|--------------------|-----------|------------------|--------------------------|-------------|-------------|-------------------------|------------------------------|--------------------|------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------------|------------|--|
|       |                                      |       | Nam                   | Nữ         |         |                                   | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Chuyên môn               | Ngành nghề  | Tên học     | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trưởng đào tạo | Loại hình trường |                     |                           |                                  |            |  |
| 8     | Nguyễn Thị                           | Nghi  |                       | 20/4/1991  | Kinh    | Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định     | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | CNTT Cơ bản |                         | TX                           | DH Huế             | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 9     | Hà Khả                               | Nhi   |                       | 10/11/1998 | Tây     | Sóc Hù, Hà Quảng, Cao Bằng        | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | Bậc 3       | CNTT Cơ bản |                         |                              | DH Quy Nhơn        | Công lập         | Khá                 | DTTS                      | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 10    | Nguyễn Thị Yên                       | Nhi   |                       | 08/5/1997  | Kinh    | Cần An, An Khê, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | C           | CNTT Cơ bản |                         |                              | DH Quy Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 11    | Trần Thị Mỹ                          | Nhung |                       | 18/4/1991  | Kinh    | Tây Sơn, An Khê, Gia Lai          | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | A           |                         | VLVH                         | DH Phú Yên         | Công lập         | TBK                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 12    | Nguyễn Thị Ngọc                      | Như   |                       | 20/8/1987  | Kinh    | Như Hùn, An Nhơn, Bình Định       |                    | x         | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | A           |                         | CQ                           | DH Quy Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 13    | Sử H                                 | Nữ    |                       | 14/10/1993 | Jrai    | Chư M, Ia Pa, Gia Lai             | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | A           |                         | VLVH                         | DH Phú Yên         | Công lập         | Khá                 | DTTS                      | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 14    | Mã Khắc                              | Sinh  | 15/8/1991             |            | Kinh    | Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | B           |                         | VLVH                         | DHSP Hà Nội        | Công lập         | TBK                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 15    | Lý Thị Thanh                         | Thoa  |                       | 23/8/1998  | Kinh    | An Phước, An Khê, Gia Lai         | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | TOEIC       | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | DH Quy Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| 16    | Phan Thị Ngọc                        | Trinh |                       | 23/4/1995  | Kinh    | Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định   | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiểu học            | B           | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | DH Phú Yên         | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên TH hạng IV             | V.07.03.09 |  |
| III   | GIÁO VIÊN THCS:                      |       |                       |            |         |                                   |                    |           |                  |                          |             |             |                         |                              |                    |                  |                     |                           |                                  |            |  |
| III.1 | MÔN TOÁN:                            |       |                       |            |         |                                   |                    |           |                  |                          |             |             |                         |                              |                    |                  |                     |                           |                                  |            |  |
| 1     | Nguyễn Việt                          | Dũng  | 18/02/1989            |            | Kinh    | Cát Hanch, Phú Cát, Bình Định     | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | B           | B           |                         | CQ                           | DH Quy Nhơn        | Công lập         | TBK                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 2     | Nguyễn Tiến                          | Dũng  | 28/11/1987            |            | Kinh    | Tân An, Đắk Pơ, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | B           | B           |                         | CQ                           | DH Quy Nhơn        | Công lập         | TBK                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 3     | Nguyễn Văn                           | Hùng  | 03/5/1972             |            | Kinh    | Bình Thuận, Tây Sơn, Bình Định    | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | C           | A           |                         | TX                           | DH Huế             | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 4     | Nay                                  | Luth  | 20/6/1990             |            | Jrai    | Eaol, Ea Hleng, Đắk Lắk           |                    | x         | 12/12            | DHSP Toán                | B           | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | DH KHTN Tp HCM     | Công lập         | TBK                 | DTTS                      | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 5     | Nguyễn Thị Yên                       | Ngọc  |                       | 27/3/1992  | Kinh    | An Phú, An Khê, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | B           | B           |                         | CQ                           | DH KHTN Tp HCM     | Công lập         | TBK                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 6     | Nguyễn Thị Mỹ                        | Nhi   |                       | 20/12/1994 | Kinh    | Phú An, Đắk Pơ, Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | B           | A           |                         |                              | DH Phú Yên         | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 7     | Đào Nguyễn                           | Thảo  |                       | 15/10/1996 | Kinh    | Ninh Nhâm, Hòa Lai, Ninh Bình     | x                  |           | 12/12            | DHSP Toán                | Bậc 3       | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | DHSP Huế           | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| III.2 | MÔN TIẾNG ANH:                       |       |                       |            |         |                                   |                    |           |                  |                          |             |             |                         |                              |                    |                  |                     |                           |                                  |            |  |
| 1     | Dương Thị Thu                        | Hằng  |                       | 01/02/1997 | Kinh    | Bình Thuận, Tây Sơn, Bình Định    | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiếng Anh           | Pháp, Bậc 2 | CNTT Cơ bản |                         | CQ                           | DH Quy Nhơn        | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 2     | Nguyễn Thị Kim                       | Hương |                       | 07/7/1989  | Kinh    | Ấn Tượng, Hoài Ân, Bình Định      | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiếng Anh           | Pháp B      | A           |                         | VLVH                         | DHNN Đà Nẵng       | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |
| 3     | Hồ Thị Ngọc                          | Y     |                       | 02/02/1990 | Kinh    | Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi      | x                  |           | 12/12            | DHSP Tiếng Anh           | Pháp B      | A           |                         | TX                           | DH Huế             | Công lập         | Khá                 |                           | Giáo viên THCS hạng III          | V.07.04.12 |  |

Danh sách này có 81 người đăng ký dự tuyển./



UBND HUYỆN KÔNG CHRO  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**

Số: 07/QĐ-HĐTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kông Chro, ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro**

### **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020 CỦA HUYỆN KÔNG CHRO**

*Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 1709/QĐ-SNV ngày 26/10/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro;*

*Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của UBND huyện Kông Chro về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Kông Chro;*

*Xét đề nghị của Thư ký Hội đồng tuyển dụng, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Nội vụ huyện.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Kông Chro.

*(Có danh mục tài liệu kèm theo).*



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng tuyển dụng, Ban Đề thi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng GDĐT huyện;
- Website UBND huyện, Phòng GDDT;
- Lưu: HĐTD, NV.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Huỳnh Ngọc Ân**

## DANH MỤC TÀI LIỆU, GIỚI HẠN ÔN TẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-HĐTD ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng)



### A. MẦM NON

#### I. Cấu trúc bài thi gồm 03 phần:

Phần 1: Kiến thức về tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc vị trí dự tuyển.

Phần 2: Soạn giáo án hoạt động dạy học, giáo dục.

Phần 3: Xử lý tình huống sư phạm trong quá trình dạy học, giáo dục.

#### II. Danh mục tài liệu ôn tập:

1. Luật viên chức: Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội (Điều 5, 11, 17);

2. Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 66, 67, 69, 70);

3. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (phần B, mục I);

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 1/4/2019 về Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Điều 4, 6);

5. Điều lệ Trường Mầm non ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN- BGDDĐT ngày 24/12/2015;

6. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non (Điều 4, 5);

7. Bộ Tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm (Kèm theo Kế hoạch số 56/KH-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

8. Bộ tiêu chí xây dựng môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (Ban hành kèm theo Công văn số 1099/BGDĐT-GDMN ngày 21/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

9. Cẩm nang Nhà trẻ - Mẫu giáo (Chương III), NXB Lao động năm 2008, Chịu trách nhiệm xuất bản Phan Đào Nguyên.

**III. Soạn giáo án 5-6 tuổi:** (Thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp bối cảnh địa phương).

#### 1. Nội dung giáo dục:

Hoạt động giáo dục âm nhạc: Dạy bài hát: Nhớ ơn Bác (Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu)

Hoạt động làm quen chữ cái: Làm quen chữ l, n;

Hoạt động làm quen văn học: Thơ: Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa);

Hoạt động làm quen với toán: Gộp/ tách trong phạm vi 9;

Hoạt động khám phá khoa học: Con cá;

Hoạt động giáo dục phát triển vận động: Đi trên ghế băng, đầu đội túi cát.

## **2. Cấu trúc giáo án:**

Lĩnh vực: ...

Chủ đề: ...

Hoạt động: ...; Tên bài: ...

Lớp: ...

### **I. Mục đích, yêu cầu:**

1. Kiến thức:

2. Kỹ năng:

3. Thái độ:

### **II. Chuẩn bị:**

1. Chuẩn bị đồ dùng của cô:

2. Chuẩn bị đồ dùng của trẻ:

3. Chuẩn bị địa điểm, đội hình và nội dung tích hợp:

### **III. Tổ chức thực hiện:**

1. Ổn định:

2. Nội dung:

3. Kết thúc:

## **B. TIỂU HỌC**

### **I. Cấu trúc bài thi gồm 03 phần:**

Phần 1: Kiến thức về tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc vị trí dự tuyển;

Phần 2: Soạn giáo án hoạt động dạy học, giáo dục;

Phần 3: Xử lý tình huống sư phạm trong quá trình dạy học, giáo dục.

### **II. Danh mục tài liệu ôn tập:**

1. Luật viên chức: Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội (Điều 5, 11, 17);

2. Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 66, 67, 69, 70)



3. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (*phần B, mục I*)

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 1/4/2019 về Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (*Điều 4, 6*).

5. Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (*Điều 4, 5*).

7. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

8. Tình huống giao tiếp sư phạm của tác giả: PGS-TS Hoàng Anh và PGS-TS Đỗ Thị Châu (NXB Giáo dục Việt Nam)

**III. Soạn giáo án:** Hội đồng thi sẽ sao in nội dung bài học trong sách giáo khoa hoặc nội dung kiến thức liên quan để thí sinh sử dụng vào việc soạn bài. Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi.

#### 1. Giới hạn chương trình:

Sách giáo khoa Toán lớp 3, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2019.

| Tt | Tên bài                               | Số tiết | Tài liệu/ SKG |
|----|---------------------------------------|---------|---------------|
| 1  | Phép chi hết và phép chia có dư       | 1       | Trang 29      |
| 2  | Chu vi hình chữ nhật                  | 1       | Trang 87      |
| 3  | So sánh các số trong phạm vi 10 000   | 1       | Trang 100     |
| 4  | Phép cộng các số trong phạm vi 10 000 | 1       | Trang 102     |
| 5  | Bài toán liên quan đến rút về đơn vị  | 1       | Trang 128     |

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2019;

| Tt | Tên bài                                                          | Số tiết | Tài liệu/ SKG   |
|----|------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|
| 1  | So sánh. Dấu chấm                                                | 1       | Tập 1, Trang 79 |
| 2  | Mở rộng vốn từ: Quê hương. Ôn tập câu: Ai làm gì?                | 1       | Tập 1, Trang 89 |
| 3  | Ôn tập về từ chỉ hoạt động, trạng thái. So sánh                  | 1       | Tập 1, Trang 98 |
| 4  | Mở rộng vốn từ: Tổ quốc. Dấu phẩy                                | 1       | Tập 2, Trang 17 |
| 5  | Nhân hóa. Ôn tập cách đặt và trả lời câu hỏi <i>Như thế nào?</i> | 1       | Tập 2, Trang 44 |

**Lưu ý:** Nội dung điều chỉnh giảm tải (nếu có) trong các bài được chọn (theo hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn học cấp tiểu học ban hành theo

Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ GD&ĐT); Công văn 1920/SGDĐT-GDTH ngày 18/10/2016 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung chương trình dạy học cấp tiểu học, soạn giảng theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh.

## 2. Cấu trúc Giáo án:

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Tên bài: .....; Môn: .....

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

2. Kỹ năng:

3. Thái độ:

II. Đồ dùng dạy học:

III. Hoạt động dạy học:

| Thời gian           | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|---------------------|-------------------------|------------------------|
| 1. Ổn định:         |                         |                        |
| 2. Kiểm tra:        |                         |                        |
| 3. Bài mới:         |                         |                        |
| 4. Củng cố, dặn dò: |                         |                        |

## C. TRUNG HỌC CƠ SỞ

### I. Cấu trúc bài thi gồm 03 phần:

Phần 1: Kiến thức về tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc vị trí dự tuyển.

Phần 2: Soạn giáo án hoạt động dạy học, giáo dục.

Phần 3: Xử lý tình huống sư phạm trong quá trình dạy học, giáo dục.

### II. Danh mục tài liệu ôn tập:

1. Luật viên chức: Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội (Điều 5, 11, 17);

2. Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 66, 67, 69, 70)

3. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (phần B, mục I)

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 1/4/2019 về Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Điều 4, 6).



5. Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Điều 4, 5).

7. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

8. Tình huống giao tiếp sư phạm của tác giả: PGS-TS Hoàng Anh và PGS-TS Đỗ Thị Châu (NXB Giáo dục Việt Nam)

9. Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

**III. Soạn giáo án:** Hội đồng thi sẽ sao in nội dung bài học trong sách giáo khoa hoặc nội dung kiến thức liên quan để thí sinh sử dụng vào việc soạn bài. Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi.

### **1. Giới hạn chương trình:**

**1.1. Môn Toán:** Sách giáo khoa Toán 8 tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam 2019; Sách giáo khoa Toán 8 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam 2019.

| Tt | Tên bài                                                                          | Số tiết | Tài liệu/ SKG                             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------|
| 1  | §12, Chương I (Đại số):<br>Chia đa thức một biến đã sắp xếp.                     | 1       | SGK Toán 8 tập I<br>Trang 29, 30, 31      |
| 2  | §2, Chương II (Đại số):<br>Tính chất cơ bản của phân thức                        | 1       | SGK Toán 8 tập I<br>Trang 36, 37, 38      |
| 3  | §9, Chương II (Đại số):<br>Biến đổi các biểu thức hữu tỉ. Giá trị của phân thức. | 1       | SGK Toán 8 tập I<br>Trang 55, 56, 57      |
| 4  | §3, Chương I (Hình học):<br>Hình thang cân.                                      | 1       | SGK Toán 8 tập I<br>Trang 72, 73, 74      |
| 5  | §2, Chương II (Hình học):<br>Diện tích hình chữ nhật.                            | 1       | SGK Toán 8 tập I<br>Trang 116, 117, 118   |
| 6  | §4, Chương III (Đại số):<br>Phương trình tích.                                   | 1       | SGK Toán 8 tập II<br>Trang 15, 16, 17     |
| 7  | §3, Chương IV (Đại số):<br>Bất phương trình một ẩn.                              | 1       | SGK Toán 8 tập II<br>Trang 41, 42         |
| 8  | §5, Chương IV (Đại số):<br>Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.              | 1       | SGK Toán 8 tập II<br>Trang 49, 50, 51     |
| 9  | §2, Chương III (Hình học):<br>Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-lét.          | 1       | SGK Toán 8 tập II<br>Trang 59, 60, 61, 62 |



|    |                                                             |   |                                       |
|----|-------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------|
| 10 | §6, Chương III (Hình học):<br>Trường hợp đồng dạng thứ hai. | 1 | SGK Toán 8 tập II<br>Trang 75, 76, 77 |
|----|-------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------|

**1.2. Môn Tiếng Anh:** Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 8, hệ 7 năm, NXB Giáo dục Việt Nam.

| Tt | Tên bài                                                               | Số tiết | Tài liệu/ SGK |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---------|---------------|
| 1  | <b>Unit 1. My friends</b><br><b>Getting started- listen and read.</b> | 1       | Trang 10-11   |
| 2  | <b>Unit 1. My friends</b><br><b>Read</b>                              | 1       | Trang 13-14   |
| 3  | <b>Unit 4. Our past.</b><br><b>Write</b>                              | 1       | Trang 42-43   |
| 4  | <b>Unit 8. Country life and city life.</b><br><b>Speak</b>            | 1       | Trang 73-74   |
| 5  | <b>Unit 9. A first- aid course.</b><br><b>Speak</b>                   | 1       | Trang 81-82   |
| 6  | <b>Unit 11. Traveling around Viet Nam.</b><br><b>Write</b>            | 1       | Trang 105-107 |
| 7  | <b>Unit 12. A vacation abroad.</b><br><b>Listen</b>                   | 1       | Trang 115     |
| 8  | <b>Unit 12. A vacation abroad.</b><br><b>Language focus</b>           | 1       | Trang 119-120 |
| 9  | <b>Unit 13. Festivals</b><br><b>Getting started- listen and read.</b> | 1       | Trang 121-122 |
| 10 | <b>Unit 14. Wonders of the world.</b><br><b>Read</b>                  | 1       | Trang 134     |

**Lưu ý:** Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

## 2. Cấu trúc Giáo án:

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Tên bài:

### I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

2. Kỹ năng:

3. Thái độ:

**Lưu ý:** Mục tiêu dạy học định hướng năng lực không chỉ giới hạn ở việc truyền thụ tri thức chuyên môn mà nhằm phát triển toàn diện nhân cách người học thông qua phát triển các năng lực.

4. Xác định nội dung trọng tâm của bài

5. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung:
- Năng lực chuyên biệt:

## II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN (GV) VÀ HỌC SINH (HS)

### 1. Chuẩn bị của GV:

- Dụng cụ thí nghiệm: .....;
- PHT 1 (Nội dung phiếu học tập...);
- PHT 2 (Nội dung phiếu học tập...)

### 2. Chuẩn bị của HS:

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Nội dung<br>(đây là phần ghi bảng của GV, có dự kiến thời lượng tương ứng) | Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Năng lực hình thành |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------------|
| Nội dung 1:                                                                |                  |                  |                     |
| Nội dung ...                                                               |                  |                  |                     |

\* **Lưu ý:** Mỗi hoạt động của GV phải có các bước: Giao nhiệm vụ học tập, HS thảo luận (GV hỗ trợ), HS trình bày kết quả, GV đánh giá kết quả của HS.

## IV. CÂU HỎI/ BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS

### 1. Bảng ma trận kiểm tra các mức độ nhận thức

Mô tả yêu cầu cần đạt ở mỗi mức độ (MĐ) trong bảng sau

| Nội dung | Nhận biết<br>MĐ1 | Thông hiểu<br>MĐ2 | Vận dụng<br>MĐ3 | Vận dụng cao<br>MĐ4 |
|----------|------------------|-------------------|-----------------|---------------------|
| 1        | .....            | .....             | .....           | .....               |
| ...      | .....            | .....             | .....           | .....               |

### 2. Câu hỏi và bài tập củng cố, dặn dò

Câu 1: .....? (MĐ1)

Câu 2: .....? (MĐ3).

**Lưu ý:** Các nội dung còn lại thực hiện theo Công văn 790/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/5/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai về việc hướng dẫn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường và đổi mới soạn giảng bậc trung học; Công văn số 1790/SGDDĐT-GDTrH ngày 05/10/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên trung học năm học 2017-2018./.

